

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2020/KDTMST**

Ngày: 25/9/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Lan Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Trung Diễn**

Ông Vũ Quyền Lương

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Trần Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: **Bà Nguyễn Thúy Duyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 110/2020/TLST- KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa:

-Nguyên đơn: **Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C.**

Địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc Saigon Trade Centre, số 37, đường T, phường B, Quận 1, TP. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông W - Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức Th – Phó phòng thu hồi công nợ.

- Bị đơn: **Công ty TNHH T**

Địa chỉ: Số 37, đường B, tổ 1, khu phố 3, phường L, TP. B, tỉnh Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quang L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 351, khu phố 2, phường T, TP. B, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

1. Ông **Võ Quang L**, sinh năm 1982.

2. Ông **Võ Thúc Đ**, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: 37, đường B, tổ 1, khu phố 3, phường L, TP. B, tỉnh Đ.

(Ông Th, ông T, ông L và ông Đ xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn do ông Lê Đức Th đại diện trình bày:

Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) có nhu cầu về vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (gọi tắt là Công ty C) tài trợ tài chính nên vào ngày 20/12/2018, hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C181119001 (sau đây gọi tắt là “*Hợp đồng thuê*”). Theo đó, tài sản mà Công ty TNHH T thuê tài chính là 05 xe ô tô con bao gồm: 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM547065, số máy: G3LAGM203231, biển số đăng ký: 60LD-028.47; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM561581, số máy: G3LAGM219363, biển số đăng ký: 60LD-028.44; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM561700, số máy: G3LAGM220218, biển số đăng ký: 60LD-028.09; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM547057, số máy: G3LAGM203093, biển số đăng ký: 60LD-028.10; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM561705, số máy: G3LAGM220215, biển số đăng ký: 60LD-028.53.

Sau đó, đến ngày 07/01/2019, hai bên tiếp tục ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B181220601, theo đó, Công ty T thuê tài chính đối với tài sản là 05 xe ô tô con bao gồm: 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM546985, số máy: G3LAGM203084, biển số đăng ký: 60LD-028.36; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM546999, số máy: G3LAGM203504, biển số đăng ký: 60LD-028.42; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM546984, số máy: G3LAGM203072, biển số đăng ký: 60LD-028.25; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM547070, số máy: G3LAGM203487, biển số đăng ký: 60LD-028.26; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM546983, số máy: G3LAGM203031, biển số đăng ký: 60LD-028.18.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty T theo Hợp đồng thuê, Công ty C chấp nhận thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ ký ngày 20/12/2018 và ngày 07/01/2019. Theo đó, trường hợp Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty T

Để thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty C đã tiến hành ký các hợp đồng mua bán ngày 20/12/2018 và ngày 09/01/2019 để mua mười (10) chiếc xe ô tô con, hiệu Hyundai với tổng giá trị là 3.412.515.190đ và sau đó cho Công ty T thuê tài chính đối với các tài sản này. Ngày 21/12/2018 và ngày 09/01/2019, Công ty T đã nghiệm thu các tài sản thuê nêu trên.

Tổng giá trị của tài sản thuê (giá không bao gồm thuế giá trị gia tăng) là: 3.412.515.190đ. Trong đó, Công ty T trả trước 511.877.278đ (“*Tiền trả trước*”), Công ty C tài trợ vốn là 2.900.637.912đ (“*Giá trị thuê*”).

Hàng tháng, Công ty T phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty T trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu,... đối với Tài sản thuê.

Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty T bồi thường thiệt hại (nếu có).

Hợp đồng thuê được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định vào ngày 22/12/2018 và ngày 23/4/2019.

Thời hạn thuê của các Hợp đồng thuê là 48 tháng, cụ thể:

Thời hạn thuê của Hợp đồng số C181119001 là kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2022; thời hạn thuê của Hợp đồng số B181220601 là kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2019 đến ngày 25 tháng 01 năm 2023.

Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C cộng với biên độ là cộng (+) 1.9%/năm. Theo đó, lãi suất tại ngày bắt đầu thuê của Hợp đồng số C181119001 là 9.16%/năm; của Hợp đồng số B181220601 là 9.33%/năm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty T chỉ thanh toán cho Công ty C 02 lần vào ngày 30/01/2019 và ngày 07/3/2019 với tổng số tiền là 83.000.000đ. Sau đó, Công ty T đã ngừng thanh toán.

Ngày 26/3/2019, Công ty C có buổi làm việc trực tiếp với đại diện Công ty T là ông Bùi Thanh Nhân (phó giám đốc). Theo đó, Công ty T cam kết sẽ thanh toán tiền thuê tài chính cho Công ty C kể từ tháng 4/2019 (ngày đến hạn là 25/4/2019).

Tuy nhiên, đến hết ngày 25/4/2019, Công ty C vẫn không nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào từ Công ty T

Do Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, vào ngày 25/4/2019, Công ty C đã phát hành thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu Công ty T thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 02/5/2019 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 3.449.913.530đ.

Hết thời hạn nêu tại thông báo ngày 25/4/2019 mà Công ty T vẫn không thanh toán, ngày 08/5/2019, Công ty C đã phát hành thư yêu cầu thanh toán đề yêu cầu cá nhân ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thanh toán tiền thuê mà Công ty T còn nợ. Tuy nhiên, cá nhân ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ vẫn không thanh toán.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty C đã nhiều lần liên hệ với Công ty T để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, cho đến nay, Công ty T vẫn không thanh toán đúng cam kết và cũng không đồng ý giao trả Tài sản thuê cho Công ty C.

Ngày 17/7/2020, Công ty C đã dùng số tiền ký cược bảo đảm mà Công ty T đã ký cược nhằm bảo đảm thực hiện các Hợp đồng thuê là 170.625.760đ để cân trừ vào khoản nợ của Công ty T

Ngày 18/8/2020, Công ty T đã tự nguyện bàn giao 03 tài sản thuê thuộc Hợp đồng thuê số B181220601 ngày 07/01/2019 cho Công ty C để xử lý, thu hồi nợ.

Ngày 24/8/2020, Công ty C đã thanh lý 02 tài sản thuê với tổng giá trị là 240.000.000đ (giá chưa bao gồm thuế GTGT). Số tiền này được trừ vào nợ gốc.

Cho đến ngày xét xử thì Công ty T không thanh toán thêm được bất kỳ khoản nợ nào và cũng không bàn gia thêm tài sản thuê nào.

Vì vậy, Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

-Buộc Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 09/9/2020 là 3.297.068.484 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 2.432.791.325đ; Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 02/5/2019 là 606.496.445đ; Nợ lãi chậm trả từ ngày 02/5/2019 đến 09/9/2020 là 257.780.714đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/9/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc Công ty TNHH T giao trả cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C tài sản cho thuê tài chính là 07 xe ô tô con hiệu Hyundai, cụ thể bao gồm: 01 Xe ô tô con số khung: 51AAHM547065, số máy: G3LAGM203231, biển số đăng ký: 60LD-028.47; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561581, số máy: G3LAGM219363, biển số đăng ký: 60LD-028.44; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561700, số máy: G3LAGM220218, biển số đăng ký: 60LD-028.09; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM547057, số máy: G3LAGM203093, biển số đăng ký: 60LD-028.10; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561705, số máy: G3LAGM220215, biển số đăng ký: 60LD-028.53; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM546985, số máy: G3LAGM203084, biển số đăng ký: 60LD-028.36; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM546984, số máy: G3LAGM203072, biển số đăng ký: 60LD-028.25 để Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C thanh lý, cần trừ vào số tiền thuê mà Công ty TNHH T còn nợ nói trên. Nếu số tiền thanh lý Tài sản thuê không đủ để bù đắp số tiền thuê mà Công ty TNHH T còn nợ, buộc Công ty TNHH T tiếp tục thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C đầy đủ số tiền còn nợ.

Trường hợp Công ty TNHH T không có khả năng thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C, buộc ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền còn nợ theo nội dung thư bảo lãnh đã ký.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác và cũng không trình bày gì thêm.

- Bị đơn do ông Nguyễn Thanh T đại diện trình bày:

Về quá trình ký kết và thực hiện các Hợp đồng thuê tài sản nêu trên đúng như Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã trình bày.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty TNHH T theo Hợp đồng thuê, ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C ký thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân ký ngày 20/12/2018 và ngày 07/01/2019. Theo đó, trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty TNHH T

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C 02 lần vào ngày 30/01/2019 và ngày 07/3/2019 với tổng số tiền là 83.000.000 đồng. Sau đó, do gặp khó khăn trong việc kinh doanh nên Công ty TNHH T không thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C.

Công ty T đã bàn giao cho Công ty C 03 tài sản thuê thuộc Hợp đồng thuê số B181220601 ngày 07/01/2019 cho Công ty C để xử lý, thu hồi nợ.

Nguyên nhân đến nay Công ty T vẫn chưa thanh toán được số tiền nợ cho Công ty C là do hiện nay gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh, Công ty T vẫn đang tích cực tìm biện pháp trả nợ cho Công ty C như đã cam kết.

Vì vậy, nay Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 09/9/2020 là 3.297.068.484 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 2.432.791.325đ; Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 02/5/2019 là 606.496.445đ; Nợ lãi chậm trả từ ngày 02/5/2019 đến 09/9/2020 là 257.780.714đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/9/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc thì Công ty TNHH T đồng ý.

Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc Công ty TNHH T giao trả cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C tài sản cho thuê tài chính là 07 xe ô tô con hiệu Hyundai, cụ thể bao gồm: 01 Xe ô tô con số khung: 51AAHM547065, số máy: G3LAGM203231, biển số đăng ký: 60LD-028.47; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561581, số máy: G3LAGM219363, biển số đăng ký: 60LD-028.44; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561700, số máy: G3LAGM220218, biển số đăng ký: 60LD-028.09; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM547057, số máy: G3LAGM203093, biển số đăng ký: 60LD-028.10; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561705, số máy: G3LAGM220215, biển số đăng ký: 60LD-028.53; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM546985, số máy: G3LAGM203084, biển số đăng ký: 60LD-028.36; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM546984, số máy: G3LAGM203072, biển số đăng ký: 60LD-028.25 để Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C thanh lý, cần trừ vào số tiền thuê mà Công ty TNHH T còn nợ nói trên. Nếu số tiền thanh lý Tài sản thuê không đủ để bù đắp số tiền thuê mà Công ty TNHH T còn nợ, buộc Công ty TNHH T tiếp tục thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C đầy đủ số tiền còn nợ.

Riêng đối với yêu cầu của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C về việc buộc ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ theo nội dung thư bảo lãnh đã ký kết trong trường hợp Công ty T không có khả năng thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Công ty T không có ý kiến gì vì đây là trách nhiệm cá nhân của ông Long và ông Đường, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ trình bày:

Tại bản tường trình ngày 02/8/2020, ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ không đồng ý đối với yêu cầu của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc

tế C trong trường hợp Công ty T không có khả năng thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Công ty C thì buộc ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền còn nợ theo nội dung thư bảo lãnh đã ký kết vì việc bảo lãnh này là một hình thức tín chấp, không xác định bất cứ tài sản nào được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Đề nghị Tòa án xem xét lại giá trị pháp lý của Đơn Bảo lãnh trên.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền thuê 3.297.068.484đ (Ba tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu không trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm tám mươi bốn đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 2.432.791.325đ; Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 02/5/2019 là 606.496.445đ; Nợ lãi chậm trả từ ngày 02/5/2019 đến 09/9/2020 là 257.780.714đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/9/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc; Nếu Công ty T không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì phải giao trả cho Công ty C các tài sản cho thuê tài chính là 07 xe ô tô con để Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C thanh lý, cản trừ vào số tiền thuê mà Công ty TNHH T còn nợ nói trên. Nếu số tiền thanh lý Tài sản thuê không đủ để bù đắp số tiền thuê mà Công ty TNHH T còn nợ, buộc Công ty TNHH T tiếp tục thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C đầy đủ số tiền còn nợ. Trường hợp Công ty T không có khả năng thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Công ty C thì ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền còn nợ theo nội dung thư bảo lãnh đã ký; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đức Th, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Các bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 20/12/2018, Công ty TNHH T và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C181119001 với nội dung: Công ty TNHH T thuê tài chính 05 xe ô tô con bao gồm: 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM547065, số máy: G3LAGM203231, biển số đăng ký: 60LD-028.47; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM561581, số máy: G3LAGM219363, biển số đăng ký: 60LD-028.44; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM561700, số máy: G3LAGM220218, biển số đăng ký: 60LD-028.09; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM547057, số máy: G3LAGM203093, biển số đăng ký: 60LD-028.10; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM561705, số máy: G3LAGM220215, biển số đăng ký: 60LD-028.53.

Sau đó, đến ngày 07/01/2019, hai bên tiếp tục ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B181220601, theo đó, Công ty TNHH T thuê tài chính đối với tài sản là 05 xe ô tô con bao gồm: 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM546985, số máy: G3LAGM203084, biển số đăng ký: 60LD-028.36; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM546999, số máy: G3LAGM203504, biển số đăng ký: 60LD-028.42; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM546984, số máy: G3LAGM203072, biển số đăng ký: 60LD-028.25; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM547070, số máy: G3LAGM203487, biển số đăng ký: 60LD-028.26; 01 Xe ô tô con, hiệu HYUNDAI, số khung: 51AAHM546983, số máy: G3LAGM203031, biển số đăng ký: 60LD-028.18.

Tổng giá trị của tài sản thuê (giá không bao gồm thuế giá trị gia tăng) là: 3.412.515.190đ. Trong đó, Công ty TNHH T trả trước 511.877.278đ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C tài trợ vốn là 2.900.637.912đ. Hàng tháng, Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C 02 lần vào ngày 30/01/2019 và ngày 07/3/2019 với tổng số tiền là 83.000.000 đồng. Sau đó, do gặp khó khăn trong việc kinh doanh nên Công ty TNHH T không thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 17/7/2020, Công ty C đã dùng số tiền ký cược bảo đảm mà Công ty T đã ký cược nhằm bảo đảm thực hiện các Hợp đồng thuê là 170.625.760đ để cầm trù vào khoản nợ của Công ty T Ngày 18/8/2020, Công ty T đã tự nguyện bàn giao 03 tài sản thuê thuộc Hợp đồng thuê số B181220601 ngày 07/01/2019 cho Công ty C để xử lý, thu hồi nợ. Ngày 24/8/2020, Công ty C đã thanh lý 02 tài sản thuê với tổng giá trị là 240.000.000đ (giá chưa bao gồm thuế GTGT). Số tiền này được trừ vào nợ gốc.

Nay Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty C số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 09/9/2020 là 3.297.068.484 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 2.432.791.325đ; Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 02/5/2019 là 606.496.445đ; Nợ lãi chậm trả từ ngày

02/5/2019 đến 09/9/2020 là 257.780.714đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/9/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc; trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc Công ty TNHH T giao trả cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C tài sản cho thuê tài chính là 07 xe ô tô con hiệu Hyundai, cụ thể bao gồm: 01 Xe ô tô con số khung: 51AAHM547065, số máy: G3LAGM203231, biển số đăng ký: 60LD-028.47; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561581, số máy: G3LAGM219363, biển số đăng ký: 60LD-028.44; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561700, số máy: G3LAGM220218, biển số đăng ký: 60LD-028.09; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM547057, số máy: G3LAGM203093, biển số đăng ký: 60LD-028.10; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561705, số máy: G3LAGM220215, biển số đăng ký: 60LD-028.53; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM546985, số máy: G3LAGM203084, biển số đăng ký: 60LD-028.36; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM546984, số máy: G3LAGM203072, biển số đăng ký: 60LD-028.25 để Công ty C thanh lý, cần trừ vào số tiền thuê mà Công ty T còn nợ nói trên; Nếu số tiền thanh lý Tài sản thuê không đủ để bù đắp số tiền thuê mà Công ty T còn nợ, buộc Công ty T tiếp tục thanh toán cho Công ty C đầy đủ số tiền còn nợ là có cơ sở và Công ty T cũng đồng ý nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Về nghĩa vụ bảo lãnh: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty T theo Hợp đồng thuê tài sản, ngày 20/12/2018 và ngày 07/01/2019, ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ đã ký thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân. Theo đó, trường hợp Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty TT đối với Công ty C. Như vậy, việc ông Long và ông Đường ký thư bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp quy định pháp luật, do đó căn cứ theo quy định tại Điều 335, Điều 342 Bộ luật dân sự 2015, nếu trường hợp Công ty TNHH T không có khả năng thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Công ty C thì ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền còn nợ theo nội dung thư bảo lãnh đã ký. Vì vậy, Công ty C yêu cầu ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thư bảo lãnh đã ký là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 97.941.370đ.

Hoàn trả cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 50.662.000đ.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 112, Điều 113 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Nghị định 09 ngày 22/02/2019 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài chính*” với Công ty TNHH T

Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền thuê **3.297.068.484đ** (Ba tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu không trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm tám mươi bốn đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 2.432.791.325đ; Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 02/5/2019 là 606.496.445đ; Nợ lãi chậm trả từ ngày 02/5/2019 đến 09/9/2020 là 257.780.714đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/9/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc; trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên.

Nếu Công ty TNHH T không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì Công ty TNHH T phải giao trả cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C tài sản cho thuê tài chính là 07 xe ô tô con hiệu Hyundai, cụ thể bao gồm: 01 Xe ô tô con số khung: 51AAHM547065, số máy: G3LAGM203231, biển số đăng ký: 60LD-028.47; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561581, số máy: G3LAGM219363, biển số đăng ký: 60LD-028.44; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561700, số máy: G3LAGM220218, biển số đăng ký: 60LD-028.09; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM547057, số máy: G3LAGM203093, biển số đăng ký: 60LD-028.10; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM561705, số máy: G3LAGM220215, biển số đăng ký: 60LD-028.53; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM546985, số máy: G3LAGM203084, biển số đăng ký: 60LD-028.36; 01 Xe ô tô con, số khung: 51AAHM546984, số máy: G3LAGM203072, biển số đăng ký: 60LD-028.25 để Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C thanh lý, cần trừ vào số tiền thuê mà Công ty TNHH T còn nợ nói trên. Nếu số tiền thanh lý Tài sản thuê không đủ để bù đắp số tiền thuê mà Công ty TNHH T còn nợ, buộc Công ty TNHH T tiếp tục thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C đầy đủ số tiền còn nợ.

Trường hợp Công ty TNHH T không có khả năng thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C, buộc ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền còn nợ theo nội dung thư bảo lãnh đã ký.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 97.941.370đ (Chín mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi một ngàn ba trăm bảy mươi đồng).

Hoàn trả cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 50.662.000đ (Năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000686 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C, Công ty TNHH T, ông Võ Quang L và ông Võ Thúc Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Lan Hương